

Số: 28 /2025/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Xét Tờ trình số 530/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khoá X, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể dục - Thể thao;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin điều hành tỉnh, Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng



QUY ĐỊNH

Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại đại hội thể thao toàn quốc, vô địch quốc gia, vô địch trẻ, vô địch năng khiếu quốc gia, các nhóm tuổi trẻ quốc gia (sau đây gọi tắt là giải thi đấu thể thao cấp quốc gia); giải vô địch khu vực, vô địch trẻ khu vực, nhóm tuổi khu vực, giải thể thao quần chúng khu vực và quốc gia (sau đây gọi tắt là giải thi đấu thể thao cấp khu vực); đại hội thể dục thể thao tỉnh, giải vô địch tỉnh, giải tỉnh mở rộng, vô địch năng khiếu tỉnh, các nhóm tuổi trẻ tỉnh, giải phong trào, hội thi thể thao tỉnh, sở, ngành tỉnh (sau đây gọi tắt là giải thi đấu thể thao cấp tỉnh); Đại hội thể dục thể thao, các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao các xã, phường (sau đây gọi tắt là giải thi đấu thể thao cấp xã).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thi đấu lập thành tích tại giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực.
- Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp xã.
- Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện quy định này.

Chương II

MỨC TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN LẬP THÀNH TÍCH TẠI CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO

Điều 3. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại giải thi đấu thể thao cấp quốc gia

- Vận động viên thể thao lập thành tích tại đại hội thể thao toàn quốc; giải vô địch quốc gia như sau:

a) Đại hội thể thao toàn quốc

Đơn vị tính: Triệu đồng

Giải thưởng	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
Mức tiền thưởng	18	12	6	6

b) Giải vô địch quốc gia

Đơn vị tính: Triệu đồng

Giải thưởng	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
Mức tiền thưởng	9	6	4	4

2. Vận động viên lập thành tích tại giải vô địch cúp quốc gia, vô địch Câu lạc bộ quốc gia, Giải bóng chuyền hạng A quốc gia, giải bóng đá Hạng Nhì quốc gia, giải bóng đá hạng Ba quốc gia, giải Quốc tế mở rộng và Đại hội thể thao Đồng bằng sông Cửu Long được hưởng mức tiền thưởng bằng 60% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ quốc gia, vô địch năng khiếu quốc gia, giải thi đấu có quy định lứa tuổi, cụ thể như sau:

a) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể (từ 02 vận động viên trở lên) được hưởng mức tiền thưởng bằng số lượng người theo quy định điều lệ giải nhân mức thưởng tương ứng tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia được hưởng mức tiền thưởng như sau:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội, giải thể thao quốc gia có nội dung thi đấu cá nhân được hưởng mức tiền thưởng bằng mức thưởng đối với vận động viên;

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội, giải thể thao quốc gia có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức tiền thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ từ 13 đến 15 vận động viên, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

c) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40% (thời gian huấn luyện viên cơ sở được tính không quá 36 tháng bắt đầu từ ngày vận động viên được triệu tập lên các đội tuyển).

6. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

7. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao người khuyết tật lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật cấp quốc gia được hưởng mức tiền thưởng bằng mức tiền thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 4. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp khu vực

1. Vận động viên lập thành tích tại các giải vô địch khu vực trong hệ thống thi đấu quốc gia được hưởng mức tiền thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3.

2. Vận động viên lập thành tích tại các giải vô địch trẻ khu vực, nhóm tuổi khu vực trong hệ thống thi đấu quốc gia được hưởng mức tiền thưởng như sau:

a) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức tiền thưởng bằng 10% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3;

b) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức tiền thưởng bằng 15% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3;

c) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức tiền thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3;

d) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi giải vô địch trẻ khu vực không phân nhóm tuổi: mức tiền thưởng bằng 25% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3.

3. Vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao quần chúng khu vực và quốc gia như sau:

a) Vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao quần chúng khu vực mức tiền thưởng bằng 10% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3.

b) Vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao quần chúng quốc gia mức tiền thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3.

4. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể (từ 02 vận động viên trở lên) được hưởng mức tiền thưởng bằng số

lượng người theo quy định điều lệ giải nhân mức thưởng tương ứng tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao cấp khu vực được hưởng mức tiền thưởng như sau:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội, giải thể thao khu vực có nội dung thi đấu cá nhân được hưởng mức tiền thưởng bằng mức thưởng đối với vận động viên.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội, giải thể thao khu vực có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức tiền thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 đến 15 vận động viên, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

c) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40% (thời gian huấn luyện viên cơ sở được tính không quá 36 tháng bắt đầu từ ngày vận động viên được triệu tập lên các đội tuyển).

6. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

7. Đối với môn Ghe ngo đạt thành tích tại các giải thi đấu cấp khu vực như: Đại hội Thể thao Đồng bằng sông Cửu Long, Ngày hội Văn hóa, thể thao, du lịch Khmer Nam Bộ được hưởng mức tiền thưởng cho cả đội, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Giải thưởng	Huy chương vàng (giải nhất)	Huy chương bạc (giải nhì)	Huy chương đồng (giải ba)
Mức tiền thưởng	60	40	30

8. Mức thưởng toàn đoàn: Mức thưởng đối với đoàn thể thao của tỉnh đạt thành tích nhất, nhì, ba tại Đại hội thể thao toàn quốc, các Đại hội thể thao cấp khu vực:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên cuộc thi Thành tích	Đại hội thể thao toàn quốc	Các Đại hội thể thao cấp khu vực
Giải nhất	20	15
Giải nhì	15	10
Giải ba	10	6

9. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao người khuyết tật tỉnh Vĩnh Long lập thành tích tại đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật cấp khu vực được hưởng mức tiền thưởng bằng mức tiền thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều này.

Điều 5. Mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

1. Mức thưởng khi lập thành tích tại Đại hội thể dục thể thao tỉnh; giải vô địch tỉnh, giải tỉnh mở rộng như sau:

a) Đại hội thể dục thể thao tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Giải thưởng	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
Mức tiền thưởng	2	1,5	1

b) Giải vô địch tỉnh, giải tỉnh mở rộng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Giải thưởng	Huy chương vàng (giải nhất)	Huy chương bạc (giải nhì)	Huy chương đồng (giải ba)	Giải khuyến khích
Mức tiền thưởng	1,5	1	0,8	0,4

2. Mức thưởng khi lập thành tích tại các giải thể thao phong trào, giải vô địch trẻ, năng khiếu cấp tỉnh, hội thi thể thao cấp tỉnh được hưởng mức tiền thưởng bằng 60% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Mức thưởng khi lập thành tích tại các giải thể thao dành cho thiếu niên, nhi đồng được hưởng mức tiền thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Mức thưởng khi lập thành tích trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể (từ 02 vận động viên trở lên) được hưởng mức tiền thưởng bằng số lượng người theo quy định điều lệ giải nhân 60% mức thưởng tương ứng tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Mức thưởng kèm theo kỷ niệm chương cho các cá nhân có thành tích xuất sắc đối với các môn tập thể (vận động viên xuất sắc nhất, thủ môn xuất sắc nhất, cầu thủ ghi nhiều bàn thắng nhất): 1.000.000 đồng/vận động viên.

6. Vận động viên thể thao người khuyết tật lập thành tích tại đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật cấp tỉnh được hưởng mức tiền

thưởng bằng 100% mức tiền thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

7. Đối với môn Ghe ngo đạt thành tích tại các giải thi đấu cấp tỉnh như: Đại hội thể dục thể thao tỉnh, giải vô địch tỉnh, giải tỉnh mở rộng, hội thi cấp tỉnh, Ngày hội cấp tỉnh được hưởng mức tiền thưởng cho cả đội, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Giải thưởng	Huy chương vàng (giải nhất)	Huy chương bạc (giải nhì)	Huy chương đồng (giải ba)
Mức tiền thưởng	40	30	20

8. Giải toàn đoàn: Mức thưởng kèm theo cờ thưởng đối với các đơn vị đạt thành tích nhất, nhì, ba tại Đại hội thể dục thể thao tỉnh, Hội thi thể thao cấp tỉnh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thành tích	Tên cuộc thi	
	Đại hội thể dục thể thao tỉnh	Hội thi thể thao cấp tỉnh
Giải nhất	10	5
Giải nhì	8	4
Giải ba	6	2

Điều 6. Mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp xã

Mức tiền thưởng bằng 40% mức thưởng của cấp tỉnh quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tại Quy định này được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm theo quy định pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

2. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm lập dự toán để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện việc chi trả tiền thưởng cho các huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh được cơ quan có thẩm quyền cử đi thi đấu lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực; vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch tỉnh, đại hội thể thao tỉnh, hội thi thể thao tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ vào chương trình, kế hoạch tổ chức các giải thi đấu thể thao hằng năm có trách

nhiệm lập dự toán chi ngân sách để thực hiện việc chi trả mức tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích do cấp mình tổ chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định./.

